

BÁO CÁO TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG CỔ PHIẾU NIÊM YẾT VIỆT NAM

MỤC LỤC

I. Tổng quan thị trường quý III năm 2007

1. Tóm lược
2. Xếp hạng
 - Ngành
 - Quy mô vốn
 - Giá trị và tăng trưởng
 - Công ty

II. Phân tích

1. Tổng quan
2. Diễn biến thị trường
3. Giải thích
 - Giai đoạn 1: Thị trường điều chỉnh và đi ngang trong tháng 7 và 8
 - Giai đoạn 2: Thị trường ảm lên và có xu hướng đi lên rõ rệt trong tháng 9

III. Chiến lược đầu tư quý IV

1. Ngành
2. Quy mô doanh nghiệp
3. Giá trị và tăng trưởng

20/10/2007

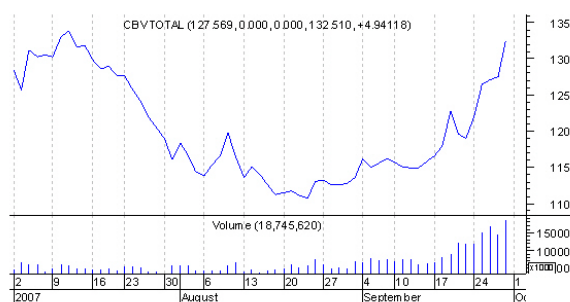
Bản báo cáo định kỳ hàng Quý,
hạn nộp Quý 4 năm 2007 là
ngày 01/01/2008

Chỉ đầu tư vào cái bạn biết !

Peter Lynch

Tổng quan thị trường chứng khoán quý III

Diễn biến CBV-Total-Index trong quý 3



1. Tóm lược

Chỉ số tổng hợp toàn thị trường chứng khoán niêm yết Việt Nam, CBV-Total trung bình là: **128.08**

Tỷ suất lợi nhuận: **7.37%**

Tỷ suất rủi ro: **5.86%**

Tổng giá trị giao dịch Quý 3: **41,875 tỷ VND**

Tổng giá trị giao dịch trung bình một tháng: **13,958 tỷ VND**

Tổng giá trị vốn hóa toàn thị trường chứng khoán niêm yết là:
465,124 tỷ VND

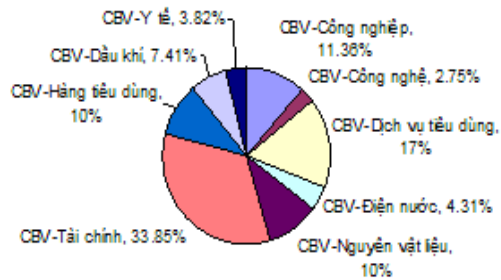
Tổng giá trị vốn hóa lưu động của toàn thị trường chứng
khoán niêm yết là: **265,333 tỷ VND**

2. Xếp hạng

Ngành

• Theo tổng giá trị giao dịch

Tỷ trọng ngành theo tổng GTGD (2/7-28/9)

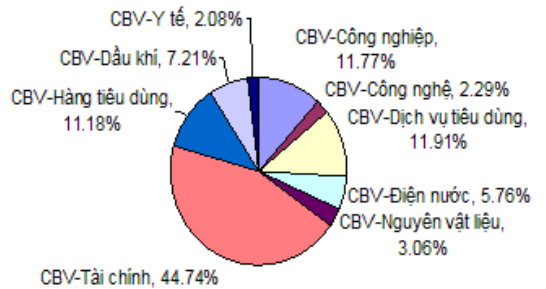


STT	Chỉ số	28/09	02/07	Giá trị giao dịch
1	CBV-Tài chính	175	151	10,166,553,876,000
2	CBV-Dịch vụ tiêu dùng	96	104	5,133,822,620,000
3	CBV-Công nghiệp	126	119	3,411,937,815,000
4	CBV-Hàng tiêu dùng	156	146	2,971,323,677,000
5	CBV-Nguyên vật liệu	134	130	2,856,638,877,000

• Theo tổng giá trị thị trường lưu động

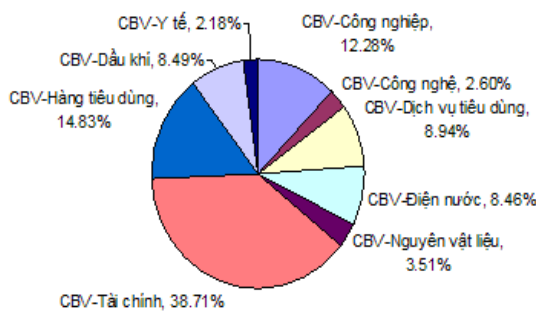
Tỷ trọng ngành theo tổng GTTT lưu động (2/7-28/9)

STT	Chỉ số	28/09	02/07	Tổng GTTT lưu động
1	CBV-Tài chính	175	151	100,568,104,099,031
2	CBV-Dịch vụ tiêu dùng	96	104	26,768,362,304,021
3	CBV-Công nghiệp	126	119	26,450,402,835,758
4	CBV-Hàng tiêu dùng	156	146	25,133,284,716,866
5	CBV-Dầu khí	156	144	16,197,923,262,000



• Theo tổng giá trị thị trường

Tỷ trọng ngành theo tổng GTTT (2/7-28/9)



STT	Chỉ số	28/09	02/07	Tổng GTTT
1	CBV-Tài chính	175	151	147,177,415,707,200
2	CBV-Hàng tiêu dùng	156	146	56,381,883,624,000
3	CBV-Công nghiệp	126	119	46,701,364,528,000
4	CBV-Dịch vụ tiêu dùng	96	104	33,996,578,702,000
5	CBV-Dầu khí	156	144	32,271,674,100,000

• Theo % thay đổi

STT	Chỉ số	28/09	02/07	Thay đổi	% Thay đổi
1	CBV-Tài chính	175	151	24	15.87%
2	CBV-Y tế	161	146	16	10.86%
3	CBV-Dầu khí	156	144	12	8.34%
4	CBV-Hàng tiêu dùng	156	146	10	6.69%
5	CBV-Công nghiệp	126	119	7	6.17%
6	CBV-Nguyên vật liệu	134	130	3	2.56%
7	CBV-Điện nước	134	131	3	2.38%
8	CBV-Công nghệ	123	122	0	0.30%
9	CBV-Dịch vụ tiêu dùng	96	104	(8)	-7.49%

Theo quy mô vốn

STT	Chỉ số	28/09	02/07	Thay đổi
1	CBV-MidCap	138	124	11.38%
2	CBV-Large Cap	143	135	6.49%
3	CBV-SmallCap	127	120	5.68%

Theo giá trị và tăng trưởng

STT	Chỉ số	28/09	02/07	Thay đổi
1	CBV-MidCap-Value	159	142	12.19%
2	CBV-SmallCap-Value	144	132	8.58%
3	CBV-LargeCap-Growth	121	115	5.27%
4	CBV-LargeCap Value	148	141	4.59%
5	CBV-MidCap-Growth	126	120	4.53%
6	CBV-SmallCap-Growth	117	119	-1.55%

Công ty

• Top công ty có giá giao dịch lớn nhất

STT	Mã CK	Giá trị giao dịch	% Thay đổi	Ngành
1	CTN	4,757,294,760,000	-18.18%	Công nghiệp
2	ITA	3,383,173,280,000	17.09%	Công nghiệp
3	SJ1	2,644,079,600,000	-1.83%	Hàng tiêu dùng
4	HBC	2,110,724,670,000	6.96%	Công nghiệp
5	TXM	1,750,083,260,000	28.42%	Công nghiệp
6	VFR	1,542,606,550,000	24.56%	Công nghiệp
7	TNA	1,389,515,220,000	9.52%	Dịch vụ tiêu dùng
8	TLC	1,290,683,740,000	-0.64%	Công nghệ
9	DHG	1,283,815,240,000	-8.05%	Y tế
10	VNE	871,552,670,000	5.77%	Công nghiệp

• Top công ty có giá trị thị trường lớn nhất

STT	Mã CK	Giá trị giao dịch	% Thay đổi	Ngành
1	STB	47,522,695,640,000	10.24%	Tài chính
2	ACB	43,302,224,067,200	35.09%	Tài chính
3	VNM	34,866,316,940,000	4.00%	Hàng tiêu dùng
4	FPT	33,389,148,702,000	-9.60%	Dịch vụ tiêu dùng
5	PVD	25,659,754,100,000	7.59%	Dầu khí
6	PPC	21,649,024,384,000	4.07%	Điện nước
7	SJS	21,150,000,000,000	-6.00%	Tài chính
8	SSI	14,119,000,000,000	41.67%	Tài chính
9	PVS	13,880,000,000,000	11.51%	Công nghiệp
10	ITA	13,700,000,000,000	17.09%	Công nghiệp

• Top công ty có giá trị thị trường lưu động lớn nhất

STT	Mã CK	Tổng GTTT lưu động)	% Thay đổi	Ngành
1	ACB	36,839,351,346,747	35.09%	Tài chính
2	STB	28,423,324,262,284	10.24%	Tài chính
3	FPT	26,469,771,604,021	-9.60%	Dịch vụ tiêu dùng
4	SJS	16,642,822,200,000	-6.00%	Tài chính
5	VNM	15,958,313,263,438	4.00%	Hàng tiêu dùng
6	PVD	13,814,915,700,000	7.59%	Dầu khí
7	SSI	11,239,954,370,000	41.67%	Tài chính
8	PPC	7,923,829,222,106	4.07%	Điện nước
9	REE	7,463,901,292,386	6.94%	Công nghiệp
10	GMD	7,353,688,343,375	0.00%	Công nghiệp

• Top công ty có mức tăng giá lớn nhất

STT	Mã CK	9/28/07	7/2/07	Thay đổi	% Thay đổi	Ngành
1	TAC	9.70	4.20	5.50	131.11%	Hàng tiêu dùng
2	BBC	6.28	3.14	3.14	100.00%	Hàng tiêu dùng
3	SCJ	9.95	6.03	3.92	64.95%	Công nghiệp
4	MCP	3.33	2.08	1.25	60.18%	Công nghiệp
5	S64	5.04	3.30	1.74	52.83%	Công nghiệp
6	BMI	6.84	4.54	2.30	50.68%	Tài chính
7	PET	5.38	3.61	1.77	49.14%	Dịch vụ tiêu dùng
8	SHC	3.14	2.11	1.03	48.53%	Công nghiệp
9	DTC	2.40	1.62	0.78	48.46%	Công nghiệp
10	SIC	3.48	2.36	1.12	47.37%	Tài chính

• Top công ty có mức giá giảm lớn nhất

STT	Mã CK	9/28/07	7/02/07	Thay đổi	% Thay đổi	Ngành
1	RIC	7.34	10.82	-3.48	-32.18%	Dịch vụ tiêu dùng
2	DHG	24.88	27.05	-2.18	-8.05%	Y tế
3	FPT	16.98	18.78	-1.80	-9.60%	Dịch vụ tiêu dùng
4	TRC	7.59	9.02	-1.43	-15.86%	Nguyên vật liệu
5	SJS	17.54	18.66	-1.12	-6.00%	Tài chính
6	GTA	3.17	4.10	-0.93	-22.73%	Nguyên vật liệu
7	SGH	9.33	10.01	-0.68	-6.83%	Dịch vụ tiêu dùng
8	BMP	11.44	12.13	-0.68	-5.64%	Nguyên vật liệu
9	TDH	11.50	12.13	-0.62	-5.13%	Tài chính
10	STC	2.64	3.05	-0.41	-13.47%	Dịch vụ tiêu dùng

II/ Phân tích

1. Tổng quan

TTCK Việt Nam thuộc nhóm thị trường mới nổi, cùng tương đồng ở xu thế đi lên của nhóm thị trường này. Chỉ số MSCI emerging market (của tập đoàn tài chính hàng đầu thế giới Morgan Stanley), là chỉ số của các thị trường chứng khoán mới nổi, đã tăng mạnh liên tục gần 25% trong vòng gần 1 tháng qua. Theo các chuyên gia phân tích của Financial Times, tại thời điểm này, mặc cho những biến động về tín dụng và sự đi xuống của nền kinh tế lớn nhất thế giới là Mỹ, sự đi lên của các thị trường chứng khoán mới nổi tiêu biểu như Trung Quốc, Ấn Độ và khu vực Đông Nam Á là sự tăng trưởng hợp lý dựa trên nền tảng phát triển kinh tế mạnh và ổn định. Tuy nhiên, việc thị trường đi lên liên tục dẫn tới bong bóng là điều không thể tránh khỏi.

Bên cạnh những điểm tương đồng, TTCK Việt Nam còn có nhiều ưu thế vượt trội so với các thị trường mới nổi khác. Bốn ưu thế tiêu biểu là:

1) Chính trị và kinh tế vĩ mô ổn định

Việt Nam có nền kinh tế và chính trị rất ổn định và phát triển bền vững. Gần đây dự trữ ngoại tệ quốc gia đã đạt 22 tỉ USD, tương đương với gần 80% tổng giá trị thị trường của TTCK niêm yết. Dự trữ ngoại tệ quốc gia lớn như vậy là một điểm tựa vững chắc cho TTCK.

2) TTCK có danh mục đa dạng

Không như các TTCK mới nổi khác trên thế giới có đặc tính là danh mục các công ty hẹp và thường là các công ty thuộc ngành nguyên vật liệu thô, TTCK Việt Nam có một danh mục rất đa dạng bao gồm các công ty thuộc nhiều ngành nghề khác nhau. Khi nhu cầu nguyên vật liệu thô

trên thế giới giảm, các TTCK mới nổi này sẽ chịu ảnh hưởng mạnh. Điều tương tự khó xảy ra tại TTCK Việt Nam, nơi phần lớn các công ty có tổng giá trị thị trường lớn nhất trên thị trường niêm yết hoạt động trong lĩnh vực tài chính, dịch vụ tiêu dùng, hàng tiêu dùng, công nghiệp và vận tải. Đó là một ưu điểm nổi trội của TTCK Việt Nam so với các TTCK mới nổi khác trên thế giới

3) Ngày càng minh bạch

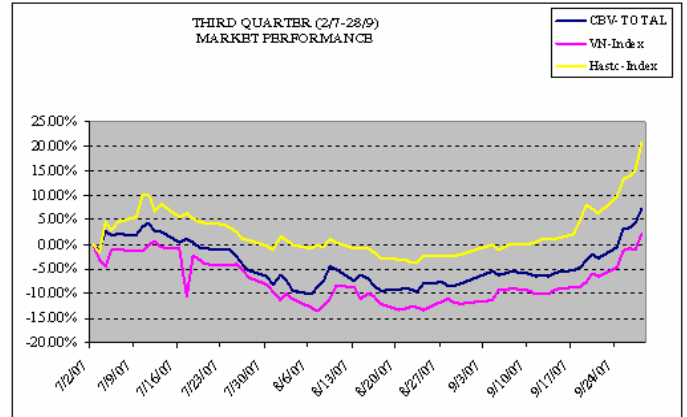
Ủy ban chứng khoán đã có nhiều nỗ lực trong việc tăng cường tính minh bạch cho thị trường chứng khoán Việt Nam, điển hình là những nỗ lực trong tổ chức và quản lý giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết, chính thức đưa thị trường OTC vào giao dịch tập trung tại Trung tâm giao dịch CK thành phố Hà Nội từ năm 2008. Việc thị trường chứng khoán Việt Nam ngày càng trở nên minh bạch hơn có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với nhà đầu tư.

4) Đầu tư nước ngoài tăng mạnh

Theo thời báo The Economist tháng 10 năm 2007, dự đoán đầu tư nước ngoài vào Việt Nam trong 5 năm từ 2007 tới 2011 tăng mạnh và dự đoán chiếm tới 6-7% GDP của Việt Nam. Với tỉ lệ trên, Việt Nam được xếp hạng thứ 6 sau Hồng Kông, Singapore, Bỉ, Jordan, và Ireland dựa vào tỉ lệ phần trăm đầu tư nước ngoài theo GDP. Đồng thời, Việt Nam cũng được tăng thứ hạng từ vị trí 26 lên vị trí 19 trong bảng xếp hạng về sự hấp dẫn đầu tư nước ngoài. Lý do được nêu ra là do giá về dịch vụ viễn thông đã rẻ đi rất nhiều, số lượng công ty có chứng chỉ ISO tăng đột biến và giá nhân công là tương đối rẻ hơn so với nhiều nước trên thế giới

2. Diễn biến thị trường

- Thị trường quý III được đánh dấu bằng sự tăng trưởng của IPO cả về số lượng lẫn giá trị, tiêu biểu là các đợt IPO của Đạm Phú Mỹ, Tập đoàn Bảo Việt hay Thủy sản Nam Việt. Sẽ còn nhiều đợt IPO với khối lượng rất lớn như Vietcombank, BIDV, Mobiphone, Vina-phone hay Tổng công ty Bia rượu nước giải khát Sài Gòn
- Diễn biến TTCK trong quý III có thể được chia làm hai giai đoạn:
 - * Giai đoạn 1: Điều chỉnh và đi ngang trong tháng 7 và 8;
 - * Giai đoạn 2: Ấm lại và có xu hướng đi lên rõ ràng trong tháng 9.



Giai đoạn 1: Thị trường điều chỉnh và đi ngang trong tháng 7 và tháng 8

3. Giải thích

Những diễn biến của thị trường chứng khoán Việt Nam trong thời gian qua chứa đựng nhiều yếu tố bất thường nếu giải thích đơn thuần bằng phân tích căn bản; do đó, lý thuyết tài chính hành vi (Behavioral Finance) được sử dụng để mang lại một cái nhìn mới, thấu đáo và toàn diện hơn.

Hiện tượng IPO ồ ạt trong năm 2007 có thể giải thích một phần bởi yếu tố tâm lý. Trái với ở các thị trường phát triển như Mỹ hay châu Âu, tại Việt Nam, các công ty blue-chip lại ưa chuộng tài chính từ bên ngoài hơn là nguồn tài chính nội tại kể cả khi nguồn vốn nội tại này đã có sẵn (vì lợi nhuận tích lũy được xem là thuộc sở hữu nhà nước) với mục đích giảm bớt phụ thuộc vào nhà nước. Việc này đã dẫn đến tâm lý chuộng nguồn tài chính từ bên ngoài ở các công ty khác

Một số nguyên nhân chính được nêu ra để giải thích cho hình thái thị trường thời gian này là: thị trường đã tăng trưởng quá nóng trong gần 4 tháng đầu năm với mức tăng trên 100%; chính sách thắt chặt tiền tệ của chính phủ, cụ thể là chỉ thị 03 về hạn mức cho vay đầu tư chứng khoán của Ngân hàng Nhà nước; trì hoãn kế hoạch cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước lớn; kết quả không như mong đợi của một số đợt IPO như IPO của Bảo Việt và khối lượng cổ phiếu mà nhà đầu tư nước ngoài có thể mua ở một số công ty làm ăn tốt đang giảm dần.

Theo cách lý giải của trường phái tài chính hành vi, có thể thấy thị trường giai đoạn này chịu ảnh hưởng của các yếu tố tâm lý: Phản ứng thái quá (overreaction), thành kiến vốn có (availability bias), hiệu ứng tâm lý (Disposition effect) và định nghĩa hẹp (Narrow framing).

- Hiện tượng phản ứng thái quá của nhà đầu tư trong 2 tháng đầu quý III được giải thích như sau: Sau một giai đoạn dài thị trường bùng nổ, nhà đầu tư đã quá quen với tin tức tốt từ các doanh nghiệp có cổ phiếu blue-chip; do đó, không có phản ứng trước những công bố khả quan về tình hình kinh doanh của những doanh nghiệp này, đồng thời, có xu hướng phản ứng thái quá (over-react) trước những tín hiệu không khả quan. Đối với cổ phiếu các công ty nhỏ và vừa, cũng xuất hiện xu hướng phản ứng thái quá nhưng theo chiều ngược lại. Hiện tượng này được thể hiện rõ trong đợt rớt giá của cổ phiếu blue-chip và trào lưu gom cổ phiếu giá rẻ đầu tháng 7. Mặc dù kết quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp blue-chip trong quý đầu đều khá ấn tượng, ví dụ như VNM có lợi nhuận 5 tháng đầu năm là 481 tỉ, STB quý 1 lời 267 tỉ; hàng loạt cổ phiếu loại này, ACB, STB, SSI, FPT hay VNM đều giảm giá. Trái ngược với cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty nhỏ giá dưới 100,000 VND như LAF, HAP hoặc VID lại hút khách
- Hiện tượng tâm lý thứ hai có tác động không nhỏ đến nhà đầu tư trong nước vào giai đoạn này là Thành kiến vốn có (availability bias), xảy ra khi nhà đầu tư ra quyết định dựa trên những thông tin gần nhất, đặc biệt là thông tin được đăng tải rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng thay vì tìm hiểu thấu đáo để có cái nhìn toàn cảnh về công ty định đầu tư. Có thể minh họa hiện tượng tâm lý này bằng việc các nhà đầu tư nội bán tháo cổ phiếu sau khi báo cáo của HSBC và Merrill Lynch với những nhận định không mấy sáng sủa về thị trường chứng khoán Việt Nam (Dự đoán chỉ số Vn-Index sẽ giảm xuống 900 điểm vào cuối năm 2007 của HSBC; Khuyến nghị giảm phân bổ đầu tư vào

thị trường chứng khoán Việt Nam xuống còn 0 của Merrill Lynch) được đưa ra. Một ví dụ khác chính là sự sụt giá liên tục của cổ phiếu FPT. Bên cạnh nguyên nhân chính là sự kiện cổ đông lớn bán ra, việc các bình luận mang tính tiêu cực về FPT như lo ngại về chiến lược mở rộng lĩnh vực kinh doanh hay thị phần kinh doanh điện thoại di động thu hẹp xuất hiện liên tục trên các phương tiện thông tin đại chúng đã tác động, dẫn đến hiện tượng bán tháo cổ phiếu này mặc dù FPT vẫn giữ mức tăng trưởng cao trong 6 tháng, lợi nhuận trước thuế đạt 506 tỉ đồng. Là một trong 3 cổ phiếu có mức vốn hóa thị trường lớn nhất tại sàn TP. HCM, việc FPT giảm mạnh đã kéo Vn-Index giảm mạnh theo

- **Hiệu ứng tâm lý (Disposition effect)** là xu hướng giữ cổ phiếu mất giá quá lâu và bán cổ phiếu tăng giá quá sớm mà nguyên nhân là tâm lý e ngại rủi ro. Kết quả của tâm lý này là một thị trường chứng khoán ảm đạm với tính thanh khoản thấp. Tổng giá trị giao dịch trung bình ngày tháng 7 là 555.36 tỉ, tháng 8 là 541.26 tỉ. Trong tháng 7 có ngày tổng giá trị giao dịch chỉ có 333.66 tỉ, trong khi giá trị giao dịch ngày thấp nhất trong tháng 8 là 378.74 tỉ
- **Định nghĩa hẹp (Narrow framing)** là việc phân tích một vấn đề trong một khuôn khổ hạn hẹp và cố gắng đưa ra quyết định tối ưu cho khuôn khổ hạn hẹp ấy thay vì cho vấn đề toàn diện. Nhà đầu tư dựa vào các con số ở mục Nợ của Bảng cân đối kế toán và lãi suất danh nghĩa để đưa ra đánh giá về công ty mà quên rằng lãi suất thực tế mà công ty phải trả ít hơn nhiều do tỉ lệ lạm phát cao trong giai đoạn này (lạm phát tháng 7 là 8.4%). Hiện tượng này đã dẫn đến cái nhìn bi quan của nhà đầu tư đối với các công ty trong hai tháng đầu quý III

Giai đoạn 2: Thị trường ảm lại và có xu hướng đi lên rõ ràng trong tháng 9

Ở giai đoạn này, thị trường chịu tác động của hai yếu tố chính: Hiệu ứng chu kỳ (Anomaly- January Effect) và Tâm lý đám đông (Herd behavior)

- Hiệu ứng chu kỳ**

Giống như các TTCK mới nổi khác, TTCK VN cũng có chu kỳ riêng, tăng vào đầu năm, giảm vào giữa năm và tăng lại vào cuối năm. Chu kỳ này đã diễn ra rõ nét nhất vào năm 2006 và lặp lại trong năm 2007. Hiện tượng này khá giống với TTCK Nga, nơi có chu kỳ tăng vào mùa đông và xuân, giảm vào hè và thu. Việc hiệu ứng này sẽ tồn tại trong bao lâu vẫn đang là một câu hỏi đối với nhiều nhà phân tích. Với những TTCK phát triển như Mỹ và Tây Âu, hiện tượng này không tồn tại được lâu do nhà đầu tư phần đông là những nhà đầu tư chuyên

ng nghiệp và các quỹ đầu tư lớn đã dự đoán được xu hướng tăng cuối năm và sẽ bán ra để hiện thực hóa lợi nhuận. Tuy nhiên hiệu ứng chu kỳ vẫn tồn tại ở TTCK Nga và nhiều TTCK mới nổi khác trên thế giới trong nhiều năm qua .

- Tâm lý đám đông**

Bên cạnh những yếu tố hỗ trợ như cung cho thị trường phong phú hơn khi một loạt công ty thực hiện niêm yết hoặc phát hành thêm cổ phiếu, các thông tin tích cực về vĩ mô lẫn vi mô như nỗ lực của chính phủ trong việc ổn định tiền tệ và kiềm chế lạm phát, đầu tư nước ngoài tăng, các doanh nghiệp công bố kết quả kinh doanh tốt trong quý III và sẽ tiếp tục tăng trưởng trong quý 4, tâm lý đám đông đã góp phần tạo nên sự hưng khởi của nhà đầu tư, khởi sắc thị trường trong tháng 9.

III/ Chiến lược đầu tư quý IV

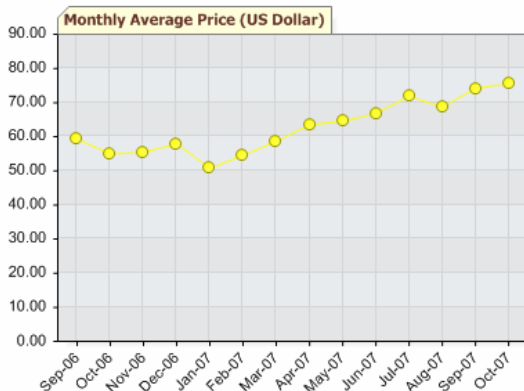
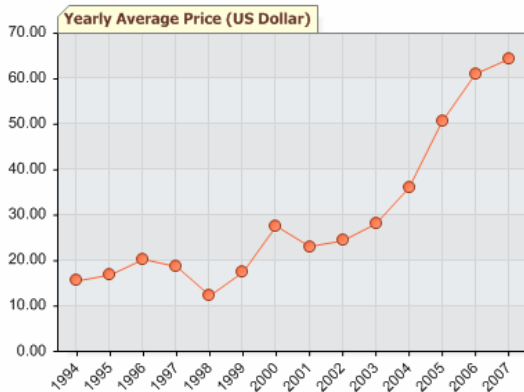
	Q3	Q4	Thay đổi
Ngành			
Tài chính	Trung lập	Khuyến nghị đầu tư	Tích cực
Dầu khí	Khuyến nghị đầu tư	Khuyến nghị đầu tư	Không
Hàng tiêu dùng	Khuyến nghị đầu tư	Khuyến nghị đầu tư	Không
Y tế	Khuyến nghị đầu tư	Khuyến nghị đầu tư	Không
Công nghiệp	Trung lập	Trung lập	Không
Công nghệ	Trung lập	Trung lập	Không
Điện nước	Trung lập	Trung lập	Không
Dịch vụ tiêu dùng	Trung lập	Trung lập	Không
Nguyên vật liệu	Trung lập	Trung lập	Không
Quy mô vốn			
Large Cap	Trung lập	Trung lập	Không
Mid Cap	Khuyến nghị đầu tư	Khuyến nghị đầu tư	Không
Small Cap	Khuyến nghị đầu tư	Khuyến nghị đầu tư	Không
Giá trị và tăng trưởng			
Giá trị	Khuyến nghị đầu tư	Khuyến nghị đầu tư	Không
Tăng trưởng	Trung lập	Trung lập	Không

1. Ngành

Về triển vọng đầu tư quý IV, ngoài các ngành đã được khuyến nghị trong quý III là Dầu khí, Hàng tiêu dùng và Y tế còn có thêm Tài chính. Tuy nhiên, về ngành Tài chính, các công ty được khuyến nghị đầu tư là các công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán. Khuyến nghị ngành được đưa ra dựa trên các lý do sau

- Tăng trưởng cao**

Tiếp tục đà tăng trưởng 2 quý đầu 2007, Tài chính, Y tế, Dầu khí và Hàng tiêu dùng tiếp tục dẫn đầu trong quý III với tỷ suất lợi nhuận của CBV-Tài Chính là 15.87%, Y tế 10.86%, Dầu khí 8.34% và Hàng tiêu dùng 6.69% so với 7.37% của CBV-Total.



- Tỷ trọng cao về lợi nhuận của các công ty chứng khoán trong tổng lợi nhuận của ngân hàng mẹ**

Lợi nhuận tháng 9 tháng đầu năm của nhiều ngân hàng cổ phần tăng gần gấp rưỡi tổng lợi nhuận cả năm 2006. Điển hình là ngân hàng Á Châu 1,470 tỉ, tăng hơn gấp đôi so với năm 2006 hay ngân hàng Sài Gòn Thương Tín với hơn 1000 tỉ đồng. Tuy rất cao nhưng con số lợi nhuận công bố lại bao hàm lợi nhuận của cả ngân hàng mẹ lẫn công ty con, trong đó có các công ty chứng khoán. Nhìn lại 9 tháng đầu năm, có thể thấy điều kiện kinh doanh của ngân hàng không thuận lợi do chính sách thắt chặt tiền tệ của Nhà nước, việc các doanh nghiệp lớn thay thế dần vốn vay ngân hàng bằng vốn huy động từ thị trường chứng khoán, điều kiện vay vốn của doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn khó khăn cũng như hạn chế trong cho vay lĩnh vực bất động sản. Chi phí của nhiều ngân hàng cũng tăng do mở rộng quy mô hoạt động và mạng lưới, công nghệ vẫn còn kém phát triển dẫn đến chi phí nhân sự cao và việc lãi suất huy động cao trong khi lãi suất cho vay giảm. Tổng hợp lại, lãi từ các công ty chứng khoán đã chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng lãi của một số ngân hàng mẹ

- Giá dầu mỏ tăng**

Giá dầu mỏ cũng như nhu cầu dầu mỏ của thế giới tiếp tục tăng và không có chiều hướng giảm. Trong tháng 9 vừa qua, giá dầu mỏ đã vượt quá mức kỷ lục của mọi thời kỳ, lên tới USD 83.9 một thùng. Sức tăng trưởng nóng của các nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc và Ấn độ càng làm cho nhu cầu dầu mỏ và giá dầu trên thế giới leo thang vượt bậc. Xu hướng tăng của giá dầu thể hiện rõ nét qua biểu đồ giá trung bình tháng từ 9/2006 đến 10/2007 và giá trung bình năm từ 1994-2007.

2. Quy mô doanh nghiệp

Chiến lược đầu tư chứng khoán nên tập trung vào danh mục các công ty trong chỉ số CBV-MidCap và Small Cap, là các công ty có quy mô vừa (tổng giá trị vốn hóa thị trường từ 150- dưới 500 tỉ VND) và nhỏ (dưới 150 tỉ đồng)

Khuyến nghị trên dựa vào 2 lý do chính:

- **Độ rộng thị trường**

Trong quý III, độ rộng thị trường đã rộng ra, cụ thể là, số lượng các công ty có tỷ suất lợi nhuận cao hơn tỷ suất lợi nhuận của chỉ số toàn thị trường (CBV-Total) lớn. Lúc này, theo định luật về độ rộng thị trường (Market Breadth) (là định luật được sử dụng rộng rãi bởi các tổ chức tài chính uy tín của các nước phát triển), đầu tư vào các công ty trong danh mục CBV-Small Cap và MidCap sẽ mang lại lợi nhuận cao hơn so với đầu tư vào các công ty trong danh mục CBV-Index

- **Lợi nhuận cao**

Lợi nhuận quý III của CBV-MidCap là 11.38%, cao hơn hẳn so với tỷ lệ 6.49% của CBV-Index và 5.68% của CBV-SmallCap. Trong nửa đầu tháng 10, CBV-SmallCap đang dần chiếm ưu thế với tỷ suất lợi nhuận là 10.65%, tiếp theo là CBV-MidCap với 10.44%. Trong khi đó, CBV-Index, chỉ số của các công ty LargeCap chỉ đạt tỷ suất lợi nhuận 1.64% .

3. Tăng trưởng và giá trị

Chúng tôi tiếp tục khuyến nghị đầu tư vào các công ty thuộc danh mục Giá trị thay vì Tăng trưởng với cùng những lý do đã nêu trong báo cáo Tổng quan thị trường cổ phiếu niêm yết Việt Nam quý II. Sự vượt trội của các công ty Giá trị thể hiện rõ trong bảng xếp hạng quý III khi hai chỉ số dẫn đầu là CBV-MidCap-Giá trị với tỷ suất lợi nhuận là 12.19% và CBV-SmallCap-Giá trị với 8.58%.

Cam kết của phòng Phân tích Công ty chứng khoán Biển Việt

Bản báo cáo phản ánh hoàn toàn chính xác quan điểm riêng của chúng tôi đối với thị trường chứng khoán

Chúng tôi, phòng Phân tích-Công ty chứng khoán Biển Việt, chứng nhận rằng tất cả các quan điểm chúng tôi trình bày trong bản báo cáo này phản ánh hoàn toàn chính xác quan điểm riêng của chúng tôi đối với thị trường chứng khoán. Chúng tôi chứng nhận rằng không một khoản thù lao nào đã, đang, và sẽ ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp đến quan điểm cũng như các khuyến nghị trong bản báo cáo này